

Số: ~~1487~~/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,
Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Công Thương số: 233/QĐ-BCT ngày 18/01/2018; 473A/QĐ-BCT ngày 05/02/2018; 1229/QĐ-BCT ngày 12/4/2018; 2195/QĐ-BCT ngày 25/6/2018; 2089A/QĐ-BCT ngày 15/6/2018 và 2454/QĐ-BCT ngày 10/7/2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Công văn số 1519/SCT-VP ngày 08/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi.

1. Sở Công Thương tổ chức niêm yết công khai, đầy đủ Danh mục, nội dung thủ tục hành chính; thực hiện tiếp nhận và giải quyết các thủ tục theo đúng quy định pháp luật.

2. Văn phòng UBND tỉnh thực hiện đăng nhập các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính chậm nhất trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký Quyết định công bố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương đã được công bố tại Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 30/6/2017, Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 23/10/2017, Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 và Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh không bị bãi bỏ vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các Phòng n/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KSTTHC(latin66).

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Cường



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI

theo Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực xúc tiến thương mại				
1	Thông báo hoạt động khuyến mại	Không	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công Thương, địa chỉ: 58-60 Phạm Văn Đồng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	Không	Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.
2	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Không			
3	Đăng ký hoạt động khuyến mại	05 ngày làm việc			
4	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	05 ngày làm việc			
5	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại	07 ngày làm việc			
6	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại	07 ngày làm việc			

II		Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ			
1	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN)	05 ngày làm việc		- Phí thẩm định cấp phép sử dụng VLNCN phục vụ thi công công trình: + Cấp mới: 4.000.000 đồng; + Cấp lại: 2.000.000 đồng.	<p>- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;</p> <p>- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng VLNCN.</p>
2	Cấp lại Giấy phép sử dụng VLNCN	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Công Thương, địa chỉ: 58-60 Phạm Văn Đồng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	- Phí thẩm định cấp phép sử dụng VLNCN phục vụ khai thác đá: + Cấp mới: 3.500.000 đồng; + Cấp lại: 1.750.000 đồng.	
3	Thu hồi giấy phép sử dụng VLNCN	05 ngày làm việc			
4	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn VLNCN	14 ngày làm việc			
5	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn VLNCN	03 ngày làm việc		Không	
6	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	11 ngày làm việc			
7	Cấp lại giấy chứng nhận huấn	03 ngày			

	luyện kỹ thuật an toàn tiên chất thuốc nổ	làm việc			
III	Lĩnh vực kinh doanh khí				
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Công Thương, địa chỉ: 58-60 Phạm Văn Đồng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Tại khu vực thành phố: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Tại khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Phí thẩm định đối với hộ kinh doanh, cá nhân: + Tại khu vực thành phố: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Tại khu vực khác: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	05 ngày làm việc			
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	05 ngày làm việc			
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	10 ngày làm việc			
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	05 ngày làm việc			
6	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	05 ngày làm việc			
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	10 ngày làm việc			
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	05 ngày làm việc			
9	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận	05 ngày			

	đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	làm việc			
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) vào phương tiện vận tải	10 ngày làm việc			
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	05 ngày làm việc			
12	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	05 ngày làm việc			
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp khí thiên nhiên nén (CNG) vào phương tiện vận tải	10 ngày làm việc			
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	05 ngày làm việc			
15	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	05 ngày làm việc			
16	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	10 ngày làm việc			
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	07 ngày làm việc			

18	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	07 ngày làm việc			
19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	10 ngày làm việc			
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	07 ngày làm việc			
21	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	07 ngày làm việc			
22	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	10 ngày làm việc			
23	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	07 ngày làm việc			
24	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	07 ngày làm việc			
IV Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh					
1	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Công	Không	Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo
2	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa	05 ngày			

	phương	làm việc	Thương, địa		phương thức đa cấp.
3	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	10 ngày làm việc	chỉ: 58-60 Phạm Văn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.		
4	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	10 ngày làm việc			
V	Lĩnh vực Thương mại quốc tế				
1	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	10 ngày làm việc			- Luật Thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014;
2	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	28 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Công Thương, địa chỉ: 58-60 Phạm Văn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán
3	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	28 ngày làm việc			
4	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i	28 ngày làm việc			

	Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP				
5	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	05 ngày làm việc			hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
6	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	28 ngày làm việc			
7	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	20 ngày làm việc			
8	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20 ngày làm việc			
9	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	58 ngày làm việc			
10	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc			

11	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	05 ngày làm việc			
12	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	20 ngày làm việc			
13	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	58 ngày làm việc			
14	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc			
15	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc			
16	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	55 ngày làm việc			

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực an toàn thực phẩm			
1	T-QNG- 268699-TT	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương.	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
2	T-QNG- 268700-TT	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	
II. Lĩnh vực xúc tiến thương mại			
1	T-QNG- 268580-TT	Thông báo/Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.
2	T-QNG- 268581-TT	Đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức cung ứng dịch vụ kèm theo việc tham gia chương trình mang tính chất may rủi	
3	T-QNG- 268582-TT	Thông báo thực hiện khuyến mại	
4	T-QNG- 268583-TT	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại	
5	T-QNG- 268584-TT	Đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại	
III. Lĩnh vực công nghiệp			
1	T-QNG- 268652-TT	Đăng ký sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN)	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20/6/2017; - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của
2	T-QNG- 268653-TT	Đăng ký sử dụng VLNCN (kể từ lần 2 trở đi)	
3	T-QNG- 268654-TT	Cấp giấy phép sử dụng VLNCN	
4	T-QNG- 268656-TT	Cấp lại, giấy phép sử dụng VLNCN	

5	T-QNG-268657-TT	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng VLNCN	Bộ Công Thương.
IV. Lĩnh vực thương mại			
1	T-QNG-268708-TT	Xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp	Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.
2	T-QNG-268709-TT	Xác nhận sửa đổi, bổ sung hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp	
3	T-QNG-268710-TT	Xác nhận Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	
4	T-QNG-268711-TT	Thủ tục Rút tiền ký quỹ trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	
5	T-QNG-268712-TT	Thủ tục Rút tiền ký quỹ trong trường hợp doanh nghiệp đã được Cục Quản lý cạnh tranh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Nghị định số 42/2014/NĐ-CP	
V. Lĩnh vực kinh doanh khí			
1	T-QNG-268614-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.
2	T-QNG-268616-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	
3	T-QNG-268617-TT	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	
4	T-QNG-268619-TT	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	
5	T-QNG-268620-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	
6	T-QNG-268621-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	
7	T-QNG-268623-TT	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	
8	T-QNG-268625-TT	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	
9	T-QNG-268626-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	

10	T-QNG-268627-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG
11	T-QNG-268628-TT	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG
12	T-QNG-268630-TT	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG
13	T-QNG-268632-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải
14	T-QNG-268633-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải
15	T-QNG-268634-TT	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải
16	T-QNG-268635-TT	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải
17	T-QNG-268636-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG
18	T-QNG-268637-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG
19	T-QNG-268638-TT	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG
20	T-QNG-268639-TT	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG
21	T-QNG-268640-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải
22	T-QNG-268641-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải
23	T-QNG-268643-TT	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải
24	T-QNG-268645-TT	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải
25	T-QNG-268646-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG
26	T-QNG-268648-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG
27	T-QNG-268649-TT	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG

28	T-QNG-268650-TT	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG
29	T-QNG-268591-TT	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG
30	T-QNG-268596-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG
31	T-QNG-268598-TT	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG
32	T-QNG-268600-TT	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG
33	T-QNG-268603-TT	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG
34	T-QNG-268606-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG
35	T-QNG-268608-TT	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG
36	T-QNG-268610-TT	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG